

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/01/2025.
“Về Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mến và ông Ngô Trung Tính.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2024 về “Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị X** (tên gọi khác: S), sinh năm 1989

Bị đơn: Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1986

Cùng cư trú tại: Xóm S, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Chị X, anh L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Bùi Thị X** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị X kết hôn với **anh Bùi Văn L**, có đăng ký kết hôn ngày **19/3/2009** tại **Ủy ban nhân dân xã S**, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Về tình trạng hôn nhân: **Chị X cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát** từ việc vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã; nhiều lần anh L đánh chị X dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù được

hai bên gia đình khuyên bảo nhưng vợ chồng không thay đổi, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, chị X làm đơn và giữ nguyên yêu cầu của mình đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn L.

Về con chung, Chị X và anh L có 02 con chung là cháu Bùi Thị Khánh L1, sinh ngày 18/5/2014 và cháu Bùi Khánh V, sinh ngày 07/5/2019.

Thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu L1 được anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V được chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn, chị X mong muốn được trực tiếp nuôi cả hai con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị X chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của anh L đối với các con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị X trình bày không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không nợ tổ chức tín dụng nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn L xác nhận kết hôn với chị Bùi Thị X có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Về tình trạng hôn nhân: Anh L xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Xuất phát từ tính cách không hợp nhau, có cãi vã và đã ly thân nhau từ tháng 8/2023 đến nay. Chị X làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn vì thương con muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm ăn, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh L có 02 con chung với chị X là cháu Bùi Thị Khánh L1, sinh ngày 18/5/2014 và cháu Bùi Khánh V, sinh ngày 07/5/2019.

Trường hợp chị X nhất quyết ly hôn, anh L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L chưa yêu cầu, tùy thuộc vào tình cảm và trách nhiệm của chị X đối với con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh L xác nhận, vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai, không nợ tổ chức tín dụng nào, không cho ai vay nợ. Do vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Những vấn đề thống nhất và không thống nhất:

Chị X và anh L không thống nhất được với nhau về việc ly hôn, về việc nuôi con sau khi ly hôn.

Kết quả xác minh: Chính quyền địa phương nơi chị X và anh L2 cư trú xác nhận, chị X và anh L kết hôn với nhau tự nguyện. Quá trình chung sống chị X và anh L có phát

sinh mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ giữa năm 2023.

Về con chung, **chị X và anh L** có 02 con chung, hiện anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Khánh L1; chị X đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh V.

Về tài sản và công nợ chung: **Chị X và anh L không có tài sản chung và cũng không nợ ai.**

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại **khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

- Về nội dung: Xét hôn nhân của **chị X và anh L** mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận yêu cầu của **chị Bùi Thị X** được ly hôn với **anh Bùi Văn L** là có căn cứ.

- Về con chung: **Chị X và anh L có 02 con chung là cháu Bùi Thị Khánh L1, sinh ngày 18/5/2014 và cháu Bùi Khánh V, sinh ngày 07/5/2019.**

Đề đảm bảo quyền lợi cũng như nguyện vọng của con. Sau khi ly hôn, giao cho anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Bùi Thị Khánh L1**; giao cho chị X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Bùi Khánh V** là hợp lý.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị X và anh L đều xác nhận không có, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên nguyên đơn (**chị X**) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình: Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn và các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình có hộ khẩu và cùng nơi cư trú tại nơi có trụ sở Tòa án giải quyết tranh chấp, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: **Chị X và anh L** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, nhận thấy **chị Bùi Thị X** đối với **anh Bùi L** không còn hạnh phúc, mặc dù cả hai đều đã cố gắng nhưng không thay đổi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ **tháng 8/2023** đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của **chị Bùi Thị X** đối với **anh Bùi L** là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: **Chị Bùi Thị X** đối với **anh Bùi L** có 02 con chung **cháu Bùi Thị Khánh L1, sinh ngày 18/5/2014 và cháu Bùi Khánh V, sinh ngày 07/5/2019.**

Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa, chị X và anh L đều mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Để đảm bảo quyền lợi cũng như nguyện vọng của con. Xét sau khi ly hôn, nên giao cho anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **cháu Bùi Thị Khánh L1**; giao cho chị X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **cháu Bùi Khánh V** là hợp lý, vì hiện tại cháu L1 đang ở với cùng anh L và cháu V đang ở cùng chị X.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: **Chị X và anh L đều xác nhận** không có. Do vậy, không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn (**chị X**) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của **chị Bùi Thị X** đối với **anh Bùi Văn L.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị X** được ly hôn với **anh Bùi Văn L.**

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao **cháu Bùi Thị Khánh L1, sinh ngày 18/5/2014** cho anh **Bùi Văn L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu **Bùi Khánh V, sinh ngày 07/5/2019** cho chị **Bùi Thị X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, **anh L** và **chị X** chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của **bố mẹ** đối với các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị X** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị X** đã nộp, theo biên lai thu tiền số **0003331 ngày 24/12/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Bùi Thị X** và **anh Bùi Văn L** có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/01/2025).

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKS ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Sào Báy, huyện Kim Bôi, nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kim Bôi, ngày 21 tháng 01 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 05 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2025

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

Với Hội đồng xét xử gồm có: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh K. Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn M và ông Ngô Trung T.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2024 về “Hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị X** (tên gọi khác: Bùi Thị S), sinh năm 1989

Bị đơn: Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1986

Cùng cư trú tại: Xóm S, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Chị X, anh L có mặt).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của **chị Bùi Thị X** đối với **anh Bùi Văn L**.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị X** được ly hôn với **anh Bùi Văn L**.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao **cháu Bùi Thị Khánh L1, sinh ngày 18/5/2014** cho anh **Bùi Văn L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu **Bùi Khánh V, sinh ngày 07/5/2019** cho chị **Bùi Thị X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, **anh L** và **chị X** chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của **bố mẹ** đối với các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị X** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị X** đã nộp, theo biên lai thu tiền số **0003331 ngày 24/12/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Bùi Thị X** và anh **Bùi Văn L** có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/01/2025).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Khoa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kim Bôi, ngày 16 tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 05 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2025

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

Với Hội đồng xét xử gồm có: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh K. Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn M và ông Ngô Trung T.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2024 về “Hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị X** (tên gọi khác: Bùi Thị S), sinh năm 1989

Bị đơn: Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1986

Cùng cư trú tại: Xóm S, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Chị X, anh L có mặt).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của **chị Bùi Thị X** đối với **anh Bùi Văn L**.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị X** được ly hôn với **anh Bùi Văn L**.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao **cháu Bùi Thị Khánh L1, sinh ngày 18/5/2014** cho anh **Bùi Văn L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu **Bùi Khánh V, sinh ngày 07/5/2019** cho chị **Bùi Thị X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, **anh L** và **chị X** chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của **bố mẹ** đối với các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị X** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị X** đã nộp, theo biên lai thu tiền số **0003331 ngày 24/12/2024** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Bùi Thị X** và **anh Bùi Văn L** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/01/2025).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Khoa

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKS ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Sào Báy, huyện Kim Bôi, nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

